

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 31/5/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/5/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 31/5/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>198.395</b>	<b>109.105</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89.290</b>	<b>48.603</b>	<b>2.406</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>46.198</b>	<b>24,5</b>	
A	<b>VỐN TỈNH QUẢN LÝ</b>	<b>950</b>	<b>950</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>950</b>	<b>950</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100,0</b>	
	<i>Dự án tất toán, thanh toán khối lượng</i>												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trương Chính, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	<b>VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU</b>	<b>108.155</b>	<b>108.155</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.456</b>	<b>1.456</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>1,3</b>	
I	<b>Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</b>	<b>14.970</b>	<b>14.970</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.604</b>	<b>0,0</b>	
	<b>II Chinh trang đô thị</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>309</b>	<b>309</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,5</b>	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	57.000	57.000				309	309				0,5	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	3.000	3.000				0					0,0	
III	<b>Hỗ trợ khác</b>	<b>16.700</b>	<b>16.700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,5</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
1	Trường Trung học cơ sở Thạnh Đức	10.000	10.000				85	85				0,9	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				0					0,0	
IV	<b>Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025</b>	<b>6.485</b>	<b>6.485</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.062</b>	<b>1.062</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16,4</b>	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nhà làm việc công an xã Bầu Đôn	1.835	1.835				77	77				4,2	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				79	79				5,1	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				79	79				5,1	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				826	826				53,3	
V	<b>Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,0</b>	
C	<b>VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>89.290</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89.290</b>	<b>46.198</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>46.198</b>	<b>51,7</b>	
I	<b>Nguồn cân đối ngân sách</b>	<b>12.190</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.190</b>	<b>3.340</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.340</b>	<b>27,4</b>	
a	<b>Ngân sách cấp huyện</b>	<b>11.190</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.190</b>	<b>3.340</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.340</b>	<b>29,8</b>	
1	<b>Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>1.211</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.211</b>	<b>40,4</b>	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	1.500				1.500	165				165	11,0	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bầu Đôn	800				800	800				800	100,0	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	200				200	137				137	68,4	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh	500				500	109				109	21,8	
2	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bầu Đôn	150				150	0				0	0,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Láng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	0				0	0,0	



STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 31/5/2024						Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Trong đó				% so KH		
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Ngân sách huyện
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	0					0,0	
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	0					0,0	
<b>3</b>	<b>Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội</b>	<b>7.590</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.590</b>	<b>2.129</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.129</b>	<b>28,1</b>	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	700				700	0					0,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	0					0,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	700				700	0					0,0	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700				700	0					0,0	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.215				1.215	60,8	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thanh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	876				876	43,8	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	38				38	4,8	
<b>b</b>	<b>Ngân sách cấp xã</b>	<b>1.000</b>				<b>1.000</b>	<b>0</b>					<b>0,0</b>	
<b>II</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>70.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>70.000</b>	<b>37.987</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37.987</b>	<b>54,3</b>	
<b>1</b>	<b>Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>9.821</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.821</b>	<b>98,2</b>	
<b>2</b>	<b>Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đối ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)</b>	<b>1.000</b>				<b>1.000</b>	<b>0</b>					<b>0,0</b>	
<b>3</b>	<b>Đối ứng xây dựng nông thôn mới</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15.000</b>	<b>12.604</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.604</b>	<b>84,0</b>	
	<i>Giao thông</i>												
3.1	Làng nhựa đường trục áp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	650				650	378				378	58,2	
3.2	Làng nhựa đường trục áp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	520				520	314				314	60,4	
3.3	Làng nhựa đường trục áp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục áp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310				310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230				230	230				230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900				900	506				506	56,2	
3.8	Làng nhựa đường trục áp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	680				680	372				372	54,7	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295				295	295				295	100,0	
3.10	Làng nhựa đường trục áp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.11	Làng nhựa đường trục áp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490				490	490				490	100,0	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Làng nhựa đường trục áp đường cấp vắn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	130				130	130				130	100,0	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110				110	110				110	100,0	



STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 31/5/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Trong đó			% so KH		
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ			Nguồn thu tiền sử dụng đất
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh đường Phước Thành - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thành	80				80	73			73	90,8	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thành - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà tro Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thành	270				270	270			270	100,0	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thành	340				340	340			340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thành (nhà ông Đắc)	300				300	257			257	85,6	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thành	630				630	388			388	61,6	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thành	290				290	290			290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thành	220				220	160			160	72,5	
3.27	BTXM đường trục áp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông, xã Phước Thành	220				220	220			220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	125				125	125			125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đăng Văn Rảnh)	145				145	145			145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thành	360				360	360			360	100,0	
3.31	Láng nhựa đường trục áp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thành	165				165	165			165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thành	290				290	290			290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục áp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thành	240				240	240			240	100,0	
3.34	BTXM đường trục áp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thành	250				250	250			250	100,0	
3.35	BTXM đường trục áp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thành	260				260	260			260	100,0	
3.36	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	235				235	235			235	100,0	
3.37	Láng nhựa đường trục áp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	500				500	500			500	100,0	
3.38	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	220				220	220			220	100,0	
3.39	BTXM đường trục áp đường số 54 ấp 4 xã Bầu Đôn	210				210	210			210	100,0	
3.40	BTXM đường trục áp đường số 56 ấp 4 xã Bầu Đôn	220				220	220			220	100,0	
3.41	BTXM đường trục áp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	250				250	250			250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rồng, xã Thạnh Đức	410				410	410			410	100,0	
3.43	<i>Chiều sáng - cây xanh</i> Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thành	600	0	0	0	600	450			450	75,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bầu Đôn	640				640	80			80	12,6	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Láng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	415				415	261			261	63,0	
<b>4</b>	<b>Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác</b>	<b>44.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>44.000</b>	<b>15.562</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15.562</b>	<b>35,4</b>
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	32.000				32.000	11.810			11.810	36,9	
4.2	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	305			305	5,1	
4.3	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thành	5.000				5.000	2.447			2.447	48,9	
4.4	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000			1.000	100,0	
<b>III</b>	<b>Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.000</b>	<b>2.771</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.771</b>	<b>55,4</b>
1	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tự, xã Phước Trạch	5.000				5.000	2.771			2.771	55,4	



STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 31/5/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Trong đó					
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện
IV	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100			2.100	2.100				2.100	100,0	

Gò Dầu, ngày 5 tháng 6 năm 2024

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thái Bình**